CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Dịch vụ biển Tân Cảng

Ngày 30/09/2025	119,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.5%	**7.1%**	**25.4%**

DT thuần
Q3/25
1,358
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 44.0| 3.3%
YoY: ▲ 518| 61.6%

LN thuần
Q3/25
395
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 117| 42.3%
YoY: ▲ 266| 207%

LN sau thuế
Q3/25
325
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 102| 45.8%
YoY: ▲ 218| 204%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
31.9%
YoY: +/-▲ 8.4%

ROE (TTM)
Q3/25
50.6%
YoY: +/-▲ 5.6%

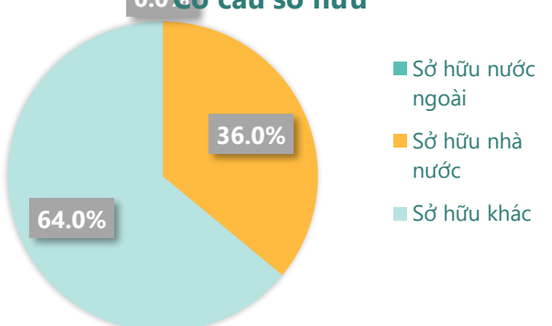
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	39,158 - 136,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,364
Số lượng CPLH (CP)	44,999,681
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,460
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.63
EPS	20,902
P/E	5.7

DT thuần
9T 2025
3,553
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,487| 72.0%

LN thuần
9T 2025
832
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 548| 193%

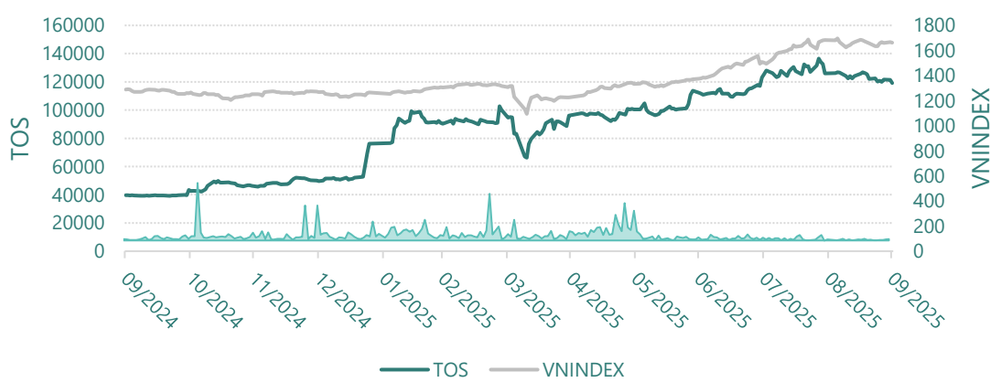
LN sau thuế
9T 2025
763
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 527| 223%

Cơ cấu sở hữu

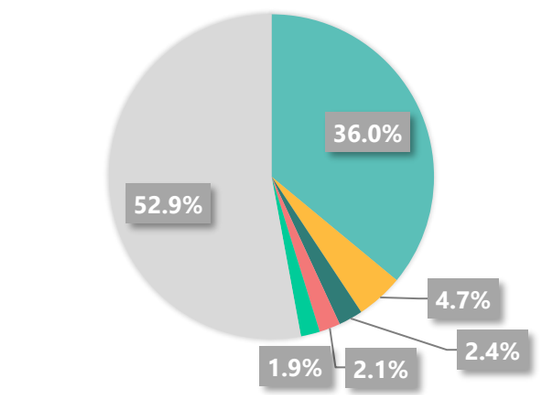


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



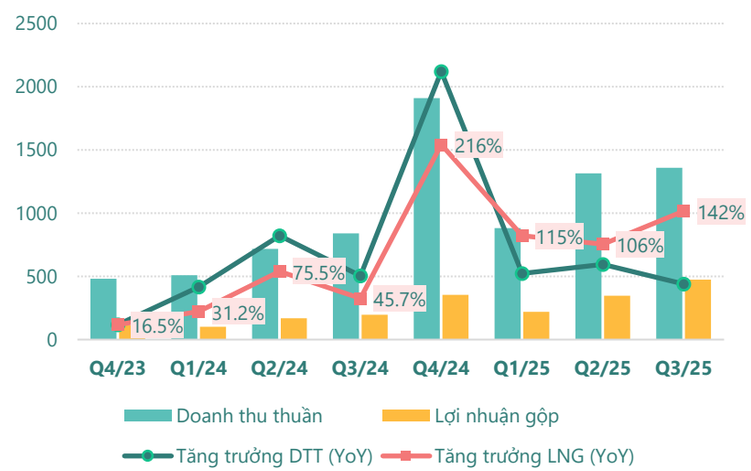
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

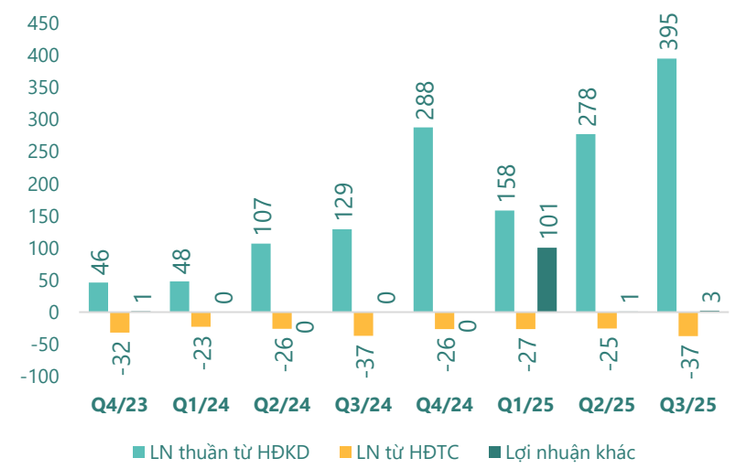
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



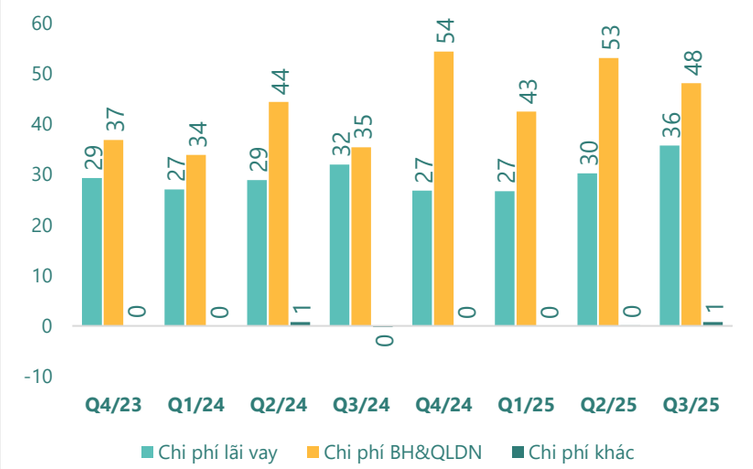
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



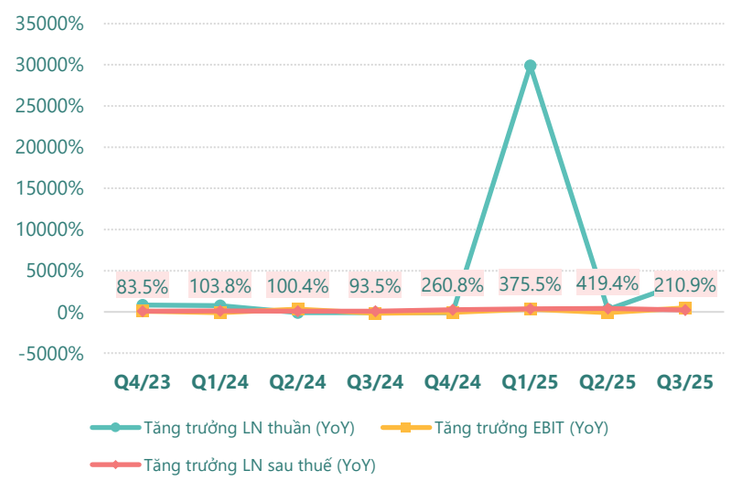
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



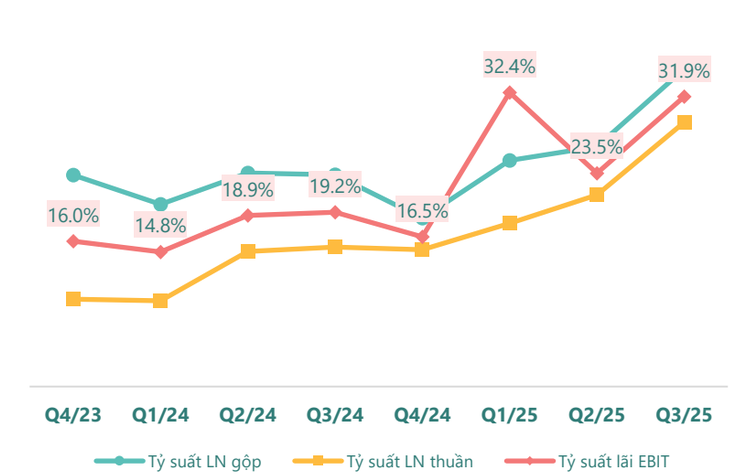
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



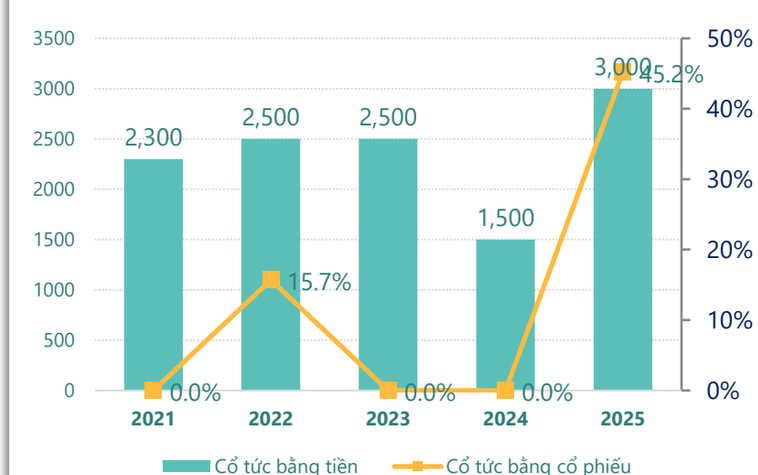
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

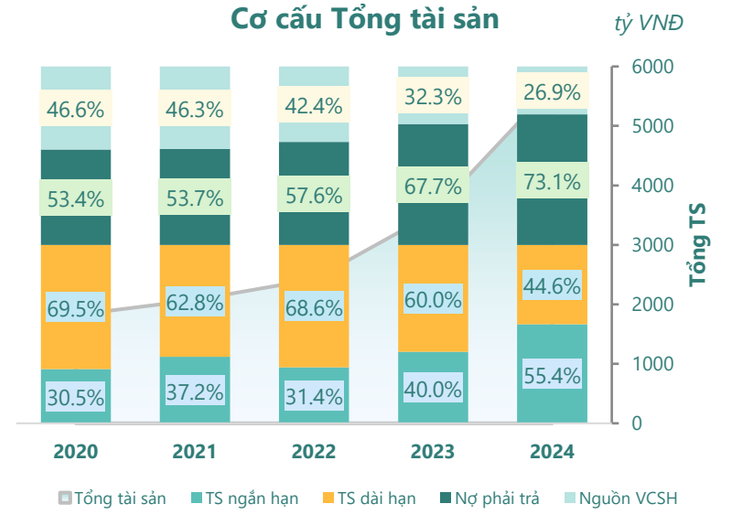
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

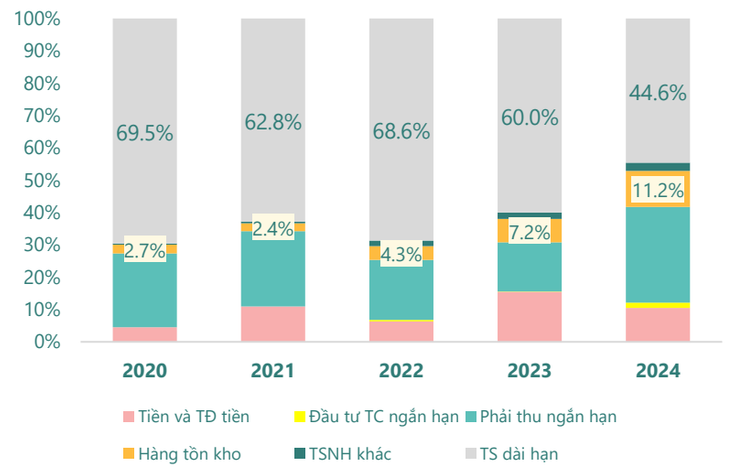
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



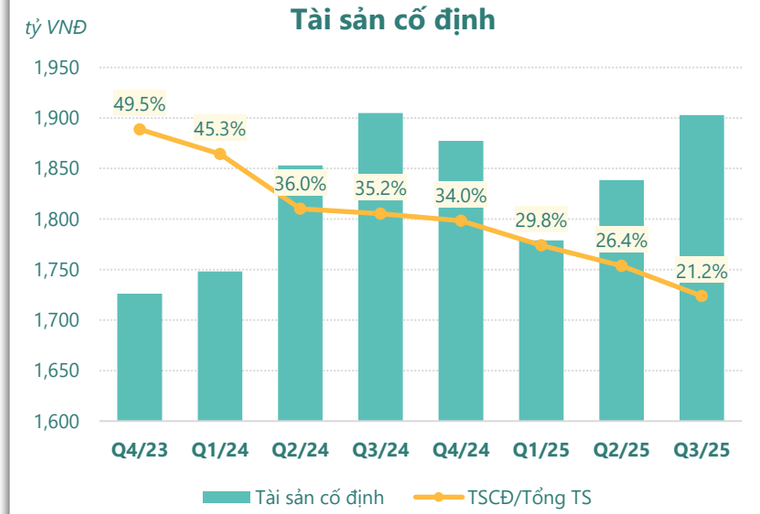
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



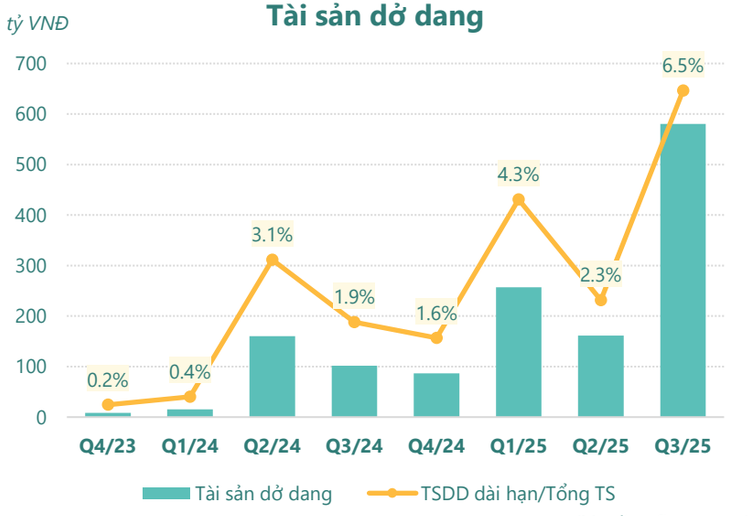
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



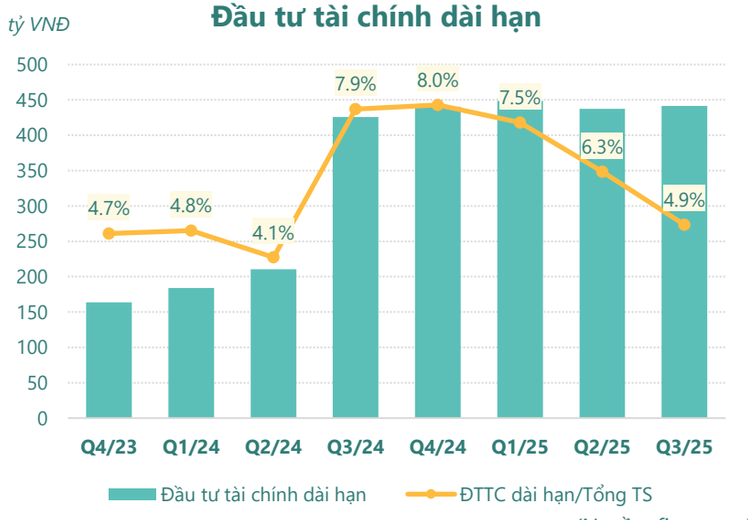
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



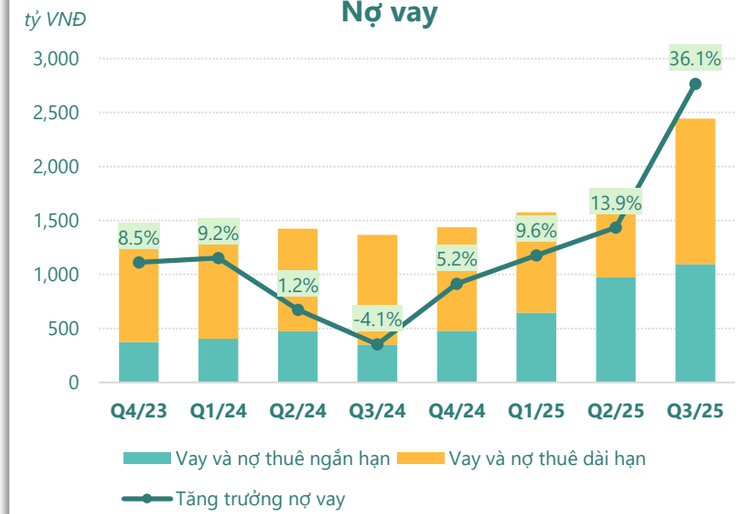
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

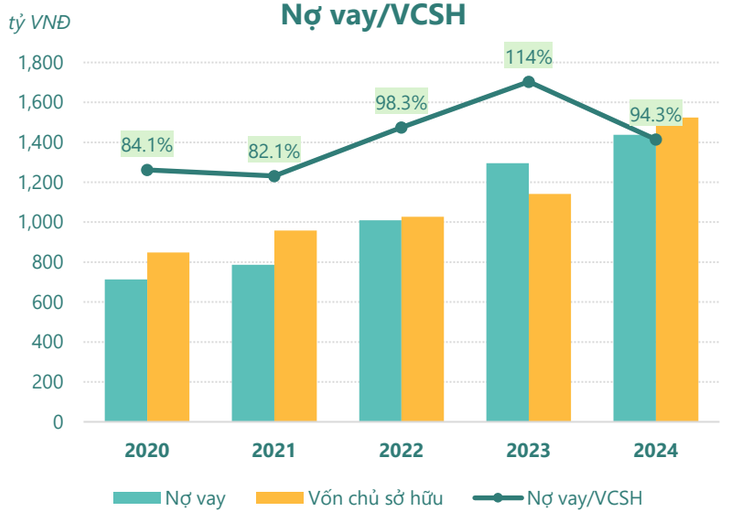
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

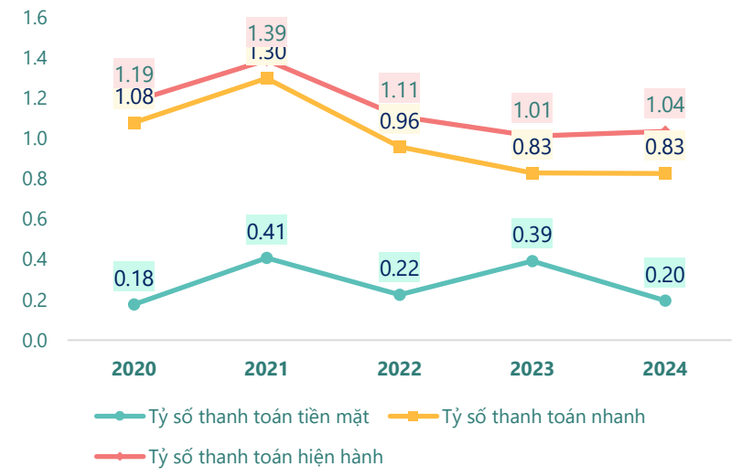
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



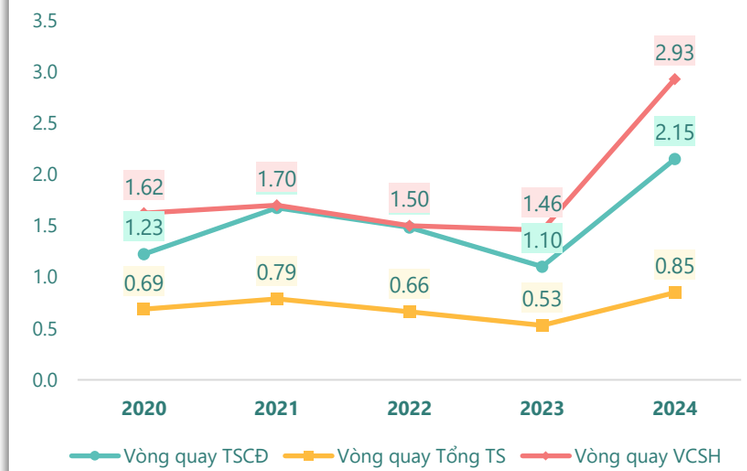
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



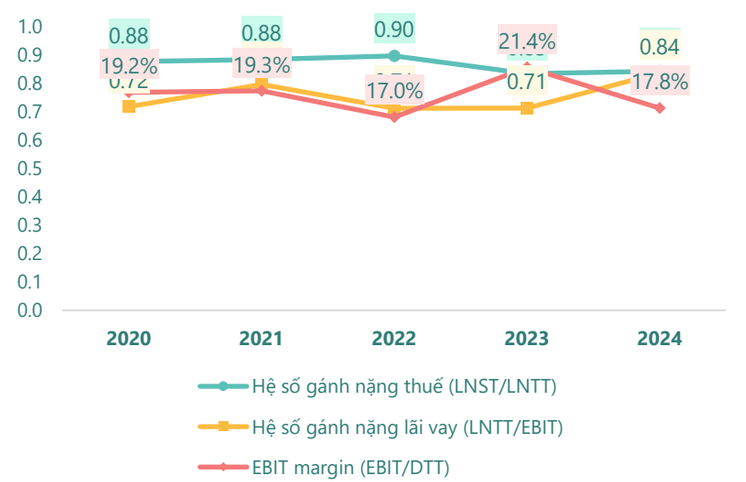
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



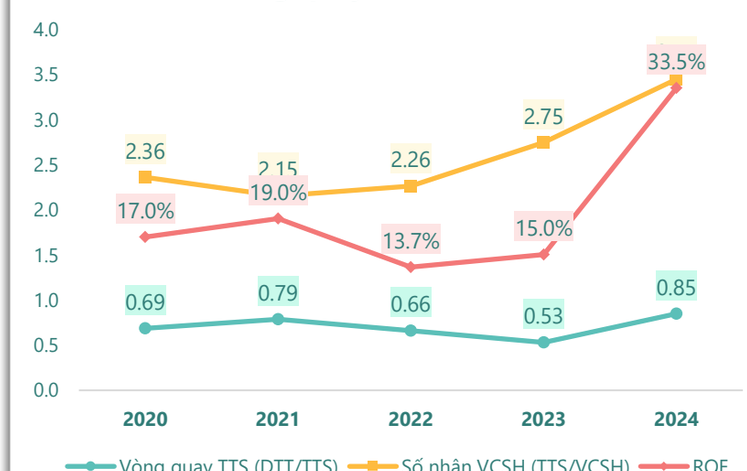
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



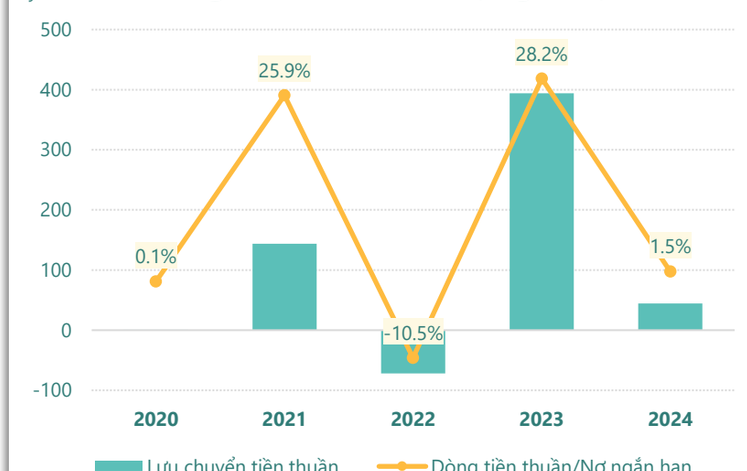
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,358**	**840**	**61.6%**	**3,553**	**2,066**	**72.0%**
Giá vốn hàng bán	883	644	37.0%	2,511	1,599	57.1%
Lợi nhuận gộp	475	196	142%	1,042	467	123%
Doanh thu HĐTC	5.41	0.34	1490%	23.5	11.8	99.3%
Chi phí TC	42.6	37.4	14.0%	113	98.0	15.1%
Chi phí lãi vay	35.8	32.0	11.7%	92.8	88.0	5.4%
LN trong công ty LKLD	**5.66**	**5.55**	**2.0%**	**22.4**	**16.8**	**33.3%**
Chi phí bán hàng	6.60	4.70	40.5%	16.2	14.2	14.2%
Chi phí QLDN	**41.6**	**30.8**	**34.9%**	**128**	**99.6**	**28.1%**
LN thuần từ HĐKD	395	129	207%	832	284	193%
Lợi nhuận khác	**2.55**	**0.29**	**780%**	**104**	**0.13**	**81153%**
LN trước thuế	398	129	209%	936	284	229%
Lợi nhuận sau thuế	**325**	**107**	**204%**	**763**	**236**	**223%**
LNST của CĐ cty mẹ	**308**	**96.8**	**218%**	**711**	**212**	**236%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	657	-74.7	114	-108	56.4	1,059
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-511	-233	-141	215	-430	-700
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.42	-72.6	68.0	138	219	633
Tiền đầu kỳ	724	863	483	593	838	687
Lưu chuyển tiền thuần	**139**	**-380**	**40.3**	**245**	**-154**	**992**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.04	0	0.00	0	2.89	-0.01
Tiền cuối kỳ	863	483	523	838	687	1,678

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,976**	**5,662**	**58.5%**
Tài sản ngắn hạn	5,497	3,138	75.2%
Tiền và tương đương tiền	1,678	593	183%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	471	95.5	394%
Phải thu ngắn hạn	2,026	1,672	21.2%
Hàng tồn kho	1,087	635	71.4%
Tài sản ngắn hạn khác	234	144	62.9%
Tài sản dài hạn	**3,479**	**2,523**	**37.9%**
Phải thu dài hạn	19.8	24.1	-18.0%
Tài sản cố định	1,903	1,899	0.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	580	61.1	849%
Đầu tư tài chính dài hạn	441	441	0.2%
Tài sản dài hạn khác	**517**	**96.0**	**439%**
Lợi thế thương mại	17.1	2.02	746%
Nợ phải trả	6,580	4,137	59.1%
Nợ ngắn hạn	**4,742**	**3,030**	**56.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,096	520	111%
Phải trả người bán ngắn hạn	566	526	7.5%
Nợ dài hạn	1,838	1,107	66.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,348	918	46.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,396**	**1,525**	**57.1%**
Vốn chủ sở hữu	**2,396**	**1,525**	**57.1%**
Vốn điều lệ	450	310	45.2%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)